

SÀI GÒN THOÁNG NHỚ

Phan Lạc Tiếp

Tôi bỏ miền Bắc, bỏ quê hương, bỏ Hà Nội vào Nam. Tôi đã thấy gì khi chạm trán với Sài Gòn, rồi sống với Sài Gòn trên 20 năm. Sau ngày 30 tháng 4 năm 1975, phải rời Sài Gòn trong tang thương, và bây giờ là 50 năm từ khi tôi đến Sài Gòn và 30 năm xa Sài Gòn, ôi bao nhiêu biến đổi, tang thương nhưng không thiếu những lạ lùng may rủi. Sài Gòn khác xa Hà Nội. Hà Nội nhỏ bé, thơ mộng nên thân quen. Hà Nội lâu đời nên Hà Nội có nhiều di tích. Hà Nội nhỏ bé nên lặng lẽ. Đường xe điện leng keng, chỉ ồn ào ở những con đường chính. Người Hà Nội trong những năm trước khi có cuộc di cư, thường di chuyển bằng xe đạp.



Vài người có xe Velo Solex chạy lọc xọc đã là oai lắm. Xe hơi rất ít người có. Cho nên khi xe điện chiều tối tụ về ga Bưởi là Hà Nội như nín thình, êm ả. Hàng phố đa số cửa đóng, then cài. Những đoạn đường vắng lặng, thấp thoáng có cái xích lô đạp uể oải đạp qua. Tiếng rao hàng đêm của anh xực tắc khắc khoải vang động len lách, buồn bã.

Sài Gòn thì khác. Sài Gòn là đất mới nên Sài Gòn còn xô bồ. Sài Gòn có nhiều người căng ghé vải ngủ ở những hàng hiên, tự nhiên, thoải mái như ở nhà. Sài Gòn rộng mênh mênh. Sài Gòn năm 1954 là trung tâm, nối với các vùng ngoại ô bởi những con đường còn nhiều chỗ bỏ hoang. Sài Gòn và Chợ Lớn còn có một khoảng trống là những kho hàng, xưởng máy,

bãi rác. Giữa Cầu Bông, khu Đa Kao, đến toà tỉnh Gia Định cũng là một bãi rác mênh mông. Nói chi con đường từ Sài Gòn đi phi trường Tân Sơn Nhất là những thửa ruộng trồng rau, những giếng nước giữa vườn, dàn sào dựng kéo nước lên khênh. Khu Trường Đua Phú Thọ còn là một vùng đầy huyền thoại hãi hùng của những người đi đường về khuya.

Trộm cướp và những cuộc thanh toán nhau trong nghĩa trang Nhị Tỳ. Con đường từ Trường Đua đi Ông Tạ dài ngút ngàn, qua cánh rừng cao su um tùm đen thẫm, thấp thoáng những ụ đất trước đây là kho đạn. Từ khi người Bắc di cư vào, những dãy nhà cát vọi gọi là cư xá rẻ tiền, nhưng lại có cái tên đẹp đẽ đầy hoài niệm cổ đô là cư xá Thăng Long, được xây cất phía trước lối vào Trường Đua Phú Thọ, biến dần khu này thành một vùng an ninh, sầm uất, dành cho những gia đình công chức từ ngoài Bắc di cư vào cư ngụ. Tôi ở khu này khá lâu trong những năm đầu, nhà chú thím tôi, như một thứ quê hương mới. Một nhà thờ được cất ở đây cũng mang tên nhà thờ Thăng Long. Trước nhà thờ có một tiệm phở mở ra có tính cách gia đình.

Sáng ra nôi nước lèo bốc khói, vài cái ghé bày ra lổng chổng. Chẳng bao lâu tiệm phở trở nên đông đúc, cái trái nhà nay đã biến thành hàng hiên với năm bảy dãy bàn, ăn uống đông vui. Mấy năm sau, bên cạnh khu nhà rẻ tiền này là những dãy nhà xây cất đẹp đẽ, khang trang, một chung cư không phải ai có tiền cũng mua được. Nữ tài tử Kiều Chinh đã cư ngụ trong cư xá này, nhìn ra cánh rừng cao su bên cạnh. Trong rừng lá xanh um ấy, từ những năm 1960 về sau, là những biệt thự sang trọng, an ninh dành cho người thuộc giai cấp mới và cho Mỹ thuê.

Giữa khi Sài Gòn thay đổi ấy, ở cuối đường Nguyễn Văn Thoại, ngã tư đường Ông

Tạ, có một căn nhà nhỏ khá xinh. Đặc biệt trước mảnh sân vuông vắn, sát hàng rào, có một cây mai thật đẹp. Cứ mỗi khi Tết đến, Xuân về, cây mai này nở hoa vàng rực. Tôi đã nhiều lần đi qua, nhìn ngắm cây mai ấy, và trò chuyện với vị chủ nhà. Khen cây mai thì được, nhưng tỏ ý muốn xin hay mua một cành mai về trưng trong ngày Tết, thì tuyệt đối không. Vị chủ nhà lễ phép thưa: "Dạ xin đa tạ tấm lòng yêu hoa của quý vị, nhưng xin hãy để cho cây mai còn là nét vui chung của những ai qua đây." Lời nói của ông như thế thật là đẹp. Bây giờ sau bao dâu bể, Sài Gòn bành trướng quá độ dưới những quyết định tàn bạo, vô tổ chức, không biết cây mai vàng ấy có còn...

Lúc ấy những năm sau 1954, miệt Thị Nghè là cửa ngõ ngoại ô của Sài Gòn. Xa lộ Sài Gòn chưa có. Đường Hàng Xanh là biên giới của an ninh thủ đô, chạy dài tới Phú Nhuận, rồi đi qua Bộ Tổng Tham Mưu, rẽ vào lối đi phi trường Tân Sơn Nhất. Từ Hàng Xanh nhìn ra Đồng Ông Cộ ngút ngàn lau sậy và dừa nước.

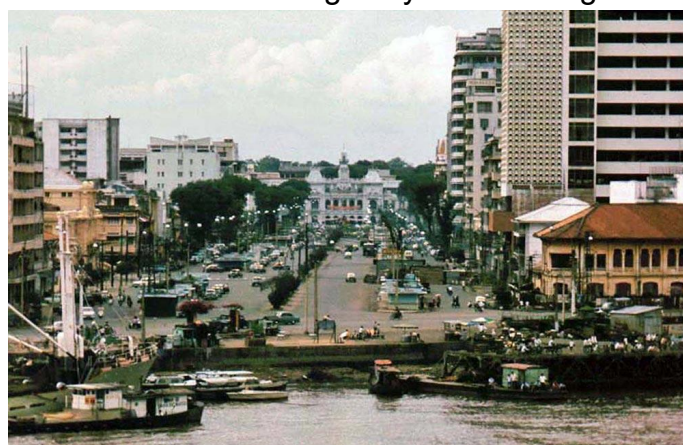
Người ta bảo mấy năm kháng chiến, du kích hùng cứ vùng này, vì đây là lối di chuyển rút đi lên miệt chiến khu Đ. Nơi đây còn là vùng thủ tiêu người bị du kích bắt. Nhưng chỉ sau mấy năm yên ổn, Sài Gòn như bưng nở, lớn lên rất mau. Sài Gòn đã lớn càng trở nên lớn hơn. Khu Đồng Ông Cộ trở thành vùng ven đô đang phát triển. Một con đường nhỏ có tên là đường Phan Chu Trinh, nhưng dân địa phương vẫn gọi quen là khu Lò Heo cũ, trong đó có ngôi biệt thự hình như của ông chủ lò gạch Phú Hữu. Ngôi biệt thự xây ở ven con rạch, hướng mặt ra đường Hàng Xanh gió mát, quanh sân là những hàng dừa lá ngọn, soi bóng xuống mặt nước. Một dãy nhà kho nhỏ rộng 3 mét 5, dài 10 mét được sửa lại thành những căn phố nhỏ bé dễ thương, bán cho mọi người.

Năm 1965 chúng tôi mới lập gia đình, chồng là quân nhân, vợ là cô giáo, lương lậu ít ỏi. Sau đám cưới bình thường, bà con xúm lại, anh chị tôi cho thêm, chúng tôi mua được một căn nhà nhỏ bé này làm tổ ấm đầu đời. Nhà tôi sát vách với nhà quái kiệt Trần Văn Trạch nên

chúng tôi chung nhau bắt đồng hồ nước. Hai nhà thân nhau như một. Những buổi trưa ngày nghỉ, nằm hưởng cái lười biếng vắng lặng, chúng tôi thấy tiếng hát của ông Trạch văng qua thật hay "Chiều mưa biên giới anh đi về đâu..."

Tiếng hát ngọt như lời ru, mượt mà như những sợi tơ trời nhẹ nhàng trôi trên vùng đồi núi nào xa, mang nỗi cô đơn, nhưng nhớ của người lính xa nhà. Tiếng hát ấy khác xa, khác hẳn những bài hát vui nhộn hài hước của ông trong các màn phụ diễn trước những buổi chiếu phim. Buổi tối gió mát, những cây dừa nước bên nhà lao xao, lấp loáng ánh trăng. Chúng tôi ra ngồi ngoài hàng hiên. Ông Trạch cũng ra hàng hiên. Ông quán quanh mình tấm saron, phô mảng ngực trần. Ông nhẹ nhàng hỏi: "Tình thế mỗi lúc mới thêm khó há, trung úy?" Tôi thì hỏi ông: "Sao ông không hát những bài ông vẫn hát ở nhà? Hay quá mà!" Ông bảo: "Thôi, để anh em họ làm ăn. Mình đóng vai hài quen rồi, chẳng ai cạnh tranh." Khi tôi đeo lon thiếu tá, làm việc tại Bộ Tư Lệnh Hải Quân, được phát cho cái xe jeep cũ thì hai con ông Trạch và hai con tôi mỗi sáng đều leo lên xe đi học ở trường Bà Phước, gần chợ Tân Định. Hai con tôi được anh chị (con ông bà Trạch) săn sóc rất kỹ. Đối với lối xóm, người ta bảo: "Ông bà còn trẻ mà có những bốn cháu, sắp lớn rồi."

Nhớ lại năm 1968, Tết Mậu Thân, khi ấy tôi và một số sĩ quan Hải Quân khác đang được biệt phái cho Nha Hỏa Xa để lái những con tàu dân sự, nghe nói của gia đình bà Nhu để lại, nên Tết đến sau những chuyến chờ hàng ra



Trung, chúng tôi đều canh sao cho ngày Tết phải có mặt tại Sài Gòn. Tàu tôi khi ấy là chiếc Đại Hải, trọng tải 750 tấn, thường chở đủ loại hàng từ Sài Gòn ra Quy Nhơn hay Đà Nẵng.

Chuyến đi chở đầy hàng Tết, rất nhiều bánh mứt, pháo, trái cây... Mùa gió đông bắc, tàu chở khẳm, ra biển thường sóng đánh phủ mũi tàu, rất mệt. Gần tới Cam Ranh sóng to quá chéch nghiêng, máy cần trục hàng lắc lư ngã nghiêng muốn gãy nên tàu phải ghé vào nắp trong vịnh Cà Ná. Tàu neo gần bờ, nhìn rõ những mảnh ruộng muối trắng phau. Những đụn muối cao chót vót. Từ đó nhìn ra khơi thấy sóng biển ùa vào cao ngất. Nằm đó gần một tuần, thực phẩm tươi đã cạn. Hàng ngày gọi ghe đánh cá lại mua tôm tươi và cả tôm hùm rất rẻ, ngon lắm, nhưng chỉ vài bữa đã thấy thèm rau muống hay mấy lát bí tươi.

Nằm trong vịnh nhìn gió hiu hiu lạnh giá thổi vi vút trên mấy dàn cần trục, nghe radio tường thuật những phiên chợ Tết ở Sài Gòn, buồn thối ruột. Mấy lần nhỏ neo cố lết ra, nhưng sóng đánh ngang hông, tàu muốn lật, lại phải trở vào, nằm thêm ít ngày nữa vừa bằng một chuyến đi - về. Vì gió bão gây trì trệ, chuyến đi này là chuyến chót của năm. Từ Nha Hoả Xa gọi ra, xin cố bằng mọi giá mang tàu ra Đà Nẵng vào khoảng 24, 25 để kịp hàng Tết cho người ta... Buổi sáng trời êm gió hơn, tàu nhỏ neo đi Đà Nẵng. Dỡ hàng xong là ngày 28 tết. Không có hàng về. Gió đông bắc thổi sau lái, tàu không, phải cho nước biển vào hầm tàu để tàu đầm, bớt lắc. Tàu nhẹ, hai máy tiến full, về đến Sài Gòn là trưa 30 tết. Đậu ở cầu Nguyễn Huệ, nhìn lên bờ, những khu hàng hoa đã vãn, những chủ vừa cây cảnh cho xe ba gác, xe cam nhông ghé lại chở hàng bán không hết về.

Những người quét đường đang tới tấp thu dọn những đồng rác. Mút xa ở cuối tầm mắt là toà Đô Chánh, rùng người đi lại vội vã như cố chạy cho kịp lúc xuân về. Nổi mừng vui thênh thang như gió thổi trên mặt sông mênh mang. Vừa bước xuống cầu thang đựng ngay ông Cang, cai phu bốc dỡ, mặt đỏ bừng và nồng hơi rượu. Ông đứng nghiêm đùa giỡn

theo lối nhà binh, dơ tay chào. Tôi như một phản xạ nhà binh giờ tay chào lại. Ông nói:

"Ông thầy đi chuyến này lâu quá, hàng dành cho chuyến áp tết dành phải để ra giêng thôi." Bắt tay ông định gọi xe về, thì ông Cang bỗng nắm tay tôi cản lại. Tôi tưởng ông như các lần khác kéo ở lại nhậu với anh em phu bến lấy thảo.

Tôi cười: "Xin phép ông cai, cho tôi về nhà cái đã, kéo bà xã mong và còn đi chợ vơ vét chút ít cho ngày tết chứ..." Ông Cang không nói gì, nhưng tôi thấy như có điều gì là lạ. Tôi hỏi: "Ông cần nhắc tôi điều gì không?" Ông nói: "Không", chỉ nheo mắt cười và tiếp: "Cũng nên cẩn thận an ninh thôi."

Đứng đợi mãi không vấy được xe, trong lòng áy náy, tôi quay lại tàu, gọi ông cai trực trên tàu, xem lại mấy trái độn ở hông tàu, đừng để kẹt nghiêng tàu khi nước lên. Tôi mở cửa phòng mình, tần ngần xem lại cọc tiền lương và tiền thưởng cuối năm để trong tủ áo. Tôi lấy giấy báo gói lại, bỏ vào cái túi nhỏ đem về nhà. Một quyết định tinh cò mà vô cùng hay. Tôi rời tàu, và nhiều ngày sau mới trở lại được vì Sài Gòn mấy ngày Tết chìm trong cơn biển loạn Tết Mậu Thân. Số tiền này thật là cần thiết trong những ngày hỗn loạn. Tôi thầm cảm ơn ông Cang và càng thấy những bữa nhậu lấy thảo cùng anh em phu khuan vác tại bến tàu, thật là cần thiết.

Sau này, sau biến cố Mậu Thân, tôi trở lại Hải Quân, dọn vô khu cư xá Hải Quân, nên phút chót, khi tàn cuộc chiến, theo tàu đi được và định cư ở Mỹ. Tôi không biết ông Trạch đã thoát đi được như thế nào, nhưng những năm sau ngày 30 tháng 4, tôi biết qua báo chí và bè bạn là ông Trạch ở Paris có một mình, lang thang buồn bã vì thương nhớ vợ con còn kẹt lại quê nhà.

Mãi hơn 10 năm sau, trong dịp đại diện cho Ủy Ban Báo Ngụy Giúp Người Vượt Biển qua Pháp đón tiếp thuyền nhân, vợ chồng tôi mới có dịp gặp lại gia đình ông bà Trạch ở bến cảng Rouen. Nói sao cho hết mừng vui, kỷ niệm của những ngày xa cũ. Sau đó ông Trạch

qua Mỹ nhiều lần, chúng tôi lại có dịp gặp nhau. Tôi nhắc tới Ban Gió Nam, từ Sài Gòn ra Hà Nội, đầu như năm 50, 51 gì đó. Chủ lực là Ban Hợp Ca Thăng Long, nhưng có sự góp mặt của ca sĩ Trần Văn Trạch.

Lúc ấy ca sĩ Trần Văn Trạch hát bản Đêm Đông. Lời ca mượt mà, với lối phát âm giọng Sài Gòn, mang một phong vị xa lạ thật lôi cuốn. Trong bữa cơm tại một nhà hàng ở quận Cam, đang ăn ngon, nghe thế ông Trạch bỗng ngưng ăn và nói: "Chà! Độ ấy tôi mặc bộ đồ lớn màu trắng xuất hiện ở nhà hát lớn Hà Nội. Ngày nào hát xong, màn nhung vừa buông xuống, tôi cũng nhận được một bó hồng nhung, nhưng không biết người tặng là ai. Cho đến buổi ra về trên phi trường Gia Lâm, người tặng hoa mới xuất hiện. Một người đẹp thật là Hà Nội. Người đẹp Hà Nội nói với tôi rằng em muốn trái đất này sụp đổ để hai chúng ta cùng chết với nhau..."

Sau bữa cơm hội ngộ này ông trở lại Paris, lâm bệnh và mất. Chúng tôi có gọi điện thoại qua Paris để chia buồn cùng bà Trạch và các cháu. Mấy đứa con ông, khi nhỏ, hàng ngày leo lên xe jeep của tôi, cùng các con tôi đi học trường Bà Phước ở Đa Kao, giờ cũng lớn hơn tuổi tôi ngày cũ khi hai nhà ở cạnh nhau. Giờ các con tôi cũng đã là những người trưởng thành, ở riêng. Một quãng đời Sài Gòn mới đó mà đã xa, quá xa, mù mịt.

Phan Lạc Tiếp

Bài thơ cuối cùng

*Anh ạ, tháng ngày xa quá nhỉ!
Một mùa thu cũ, một lòng đau.
Ba năm ví biết anh còn nhớ,
Em đã cầm lời có nói đâu.*

*Đã lỡ, thôi rồi! Chuyện biệt ly,
Càng khơi càng thấy lụy từng khi.*

*Trách ai mang cánh "ti-gôn" ấy,
Mà viết tình em, được ích gì?*

*Chỉ có ba người đã đọc riêng,
Bài thơ "đan áo" của chồng em.
Bài thơ "đan áo" nay rao bán,
Cho khắp người đời thóc mách xem.*

*Là giết đời nhau đây, biết không?
Dưới giàn hoa máu tiếng mưa rung,
Giận anh, em viết dòng dư lệ,
Là chút dư hương: Điệu cuối cùng!*

*Từ nay, anh hãy bán thơ anh,
Còn để yên tôi với một mình,
Những cánh hoa lòng, hừ! Đã ghét,
Thì đem mà đổi lấy hư vinh.*

*Ngang trái đời hoa đã úa rồi,
Từng mùa gió lạnh sắc hương rơi...
Buồng nghiêm thơ thần hồn eo hẹp,
Đi nhớ người không muốn nhớ lời!*

*Tôi oán hờn anh, mỗi phút giây,
Tôi run sợ viết, bởi rồi đây
Nếu không yên được thì tôi... chết
Đêm hơi! Làm sao tôi thể này?*

*Năm lại năm qua cứ muốn yên,
Mà phương ngoài gió chẳng làm quên;
Và người vỡ lẽ duyên thâm kín,
Lại chính là anh, anh của em!*

*Tôi biết làm sao được hơi trời?
Giận anh, không nở! Nhớ không thôi!
Mưa buồn, mưa hắt, trong lòng ướt,
Sợ quá đi, anh... "có một người."*

T.T.Kh